

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

Số: **42** /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh Yên, ngày **10** tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về đặt hàng quản lý, khai thác
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 8 ...
	Ngày: ... 14/12/15

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2013 bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Sau khi xin ý kiến và tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 215/TTr-SNNPTNT ngày 30/10/2015, Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản qui phạm pháp luật số 150/BC-STP ngày 16/10/2015 và số 1107/STP-XDVBQPPL ngày 27/11/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”.

(Chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các Sở, ngành chức năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các Công ty TNHH một thành viên thủy lợi: Liễn Sơn, Lập Thạch, Tam Đảo, Phúc Yên có trách nhiệm triển khai thực hiện các quy định tại Điều 1 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các nội dung quy định về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi tại các Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013, Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 và một số nội dung tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 7/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *sh*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
 - Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - CPCT, CPVP;
 - Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị;
 - Website Chính phủ;
 - Báo VP, Đài PTTH tỉnh; Cổng TTĐT, CB tỉnh;
 - Các CV NCTH;
 - Lưu: VT, NN1.
- (Q- *fvb*) *g*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chúc
Nguyễn Văn Chúc

QUY ĐỊNH
Về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 10 / 12 / 2015
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

Chương I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số nội dung về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng Quy định này là các cơ quan, tổ chức có đăng ký hoạt động hợp pháp, có đủ năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện dịch vụ công ích.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi: là việc cơ quan đặt hàng lựa chọn và chỉ định một đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nhằm cung cấp dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất, dân sinh, kinh tế, xã hội đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng sản phẩm, đơn giá, thời gian,... theo quy định của cơ quan đặt hàng.

2. Đơn vị nhận đặt hàng: Cơ quan, tổ chức đáp ứng các điều kiện về năng lực theo các quy định hiện hành.

3. Sản phẩm đặt hàng: được tính theo diện tích (ha) hoặc khối lượng nước (m³) tưới, tiêu, cấp nước,... trên cơ sở thực hiện đầy đủ các nội dung công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi theo yêu cầu của Cơ quan đặt hàng.

4. Giá, đơn giá, hợp đồng, hồ sơ đặt hàng:

a) Giá đặt hàng: Là khoản kinh phí mà cơ quan đặt hàng cam kết trả cho đơn vị nhận đặt hàng để thực hiện và hoàn thành toàn bộ khối lượng sản phẩm đặt hàng, bảo đảm về chất lượng, tiến độ, thời gian và các yêu cầu khác đã qui định trong Hồ sơ đặt hàng và Hợp đồng đặt hàng trong điều kiện thời tiết bình thường. Trường hợp xảy ra thiên tai (hạn hán, bão, lụt,...) thì lập dự toán cấp bù hoặc khắc phục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt riêng theo các quy định hiện hành.

b) Đơn giá đặt hàng: đơn giá đặt hàng tính cho một đơn vị sản phẩm đặt hàng. Đơn giá được tính từ dự toán đặt hàng, trên cơ sở áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành; các chế độ chính sách của nhà nước; giá cả về nguyên, nhiên, vật liệu, năng lượng, nhân công, giá ca máy thi công,...

c) Hợp đồng đặt hàng: Hợp đồng đặt hàng thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là hợp đồng đặt hàng) là văn bản pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ các bên tham gia hợp đồng.

d) Hồ sơ đặt hàng: Là toàn bộ tài liệu sử dụng cho việc đặt hàng bao gồm hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất, kế hoạch đặt hàng, hợp đồng đặt hàng, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm áp dụng và các văn bản pháp lý có liên quan khác.

Điều 3. Cơ quan đặt hàng

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn là cơ quan đặt hàng.

Chương II.

QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THEO PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG

Điều 4. Xây dựng kế hoạch đặt hàng

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch đặt hàng: theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

2. Giá, đơn giá đặt hàng: được xác định trên cơ sở mức thu thủy lợi phí do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; khi định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh được phê duyệt thì tính theo định mức kinh tế kỹ thuật.

3. Xây dựng kế hoạch đặt hàng: theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

4. Đơn vị xây dựng kế hoạch đặt hàng: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp kế hoạch đặt hàng của các đơn vị nhận đặt hàng để xây dựng kế hoạch đặt hàng chung cho toàn tỉnh.

5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đặt hàng: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch & Đầu tư thẩm định kế hoạch đặt hàng trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và làm căn cứ tổng hợp trong kế hoạch ngân sách hàng năm.

6. Thời gian lập, phê duyệt kế hoạch đặt hàng: Hàng năm, kế hoạch đặt hàng phải được lập, trình và phê duyệt xong trước ngày 31 tháng 7 năm trước năm kế hoạch để cơ quan tài chính kịp tổng hợp trong kế hoạch ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trình tự thời gian lập kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 5. Lập hồ sơ yêu cầu

1. Đơn vị lập Hồ sơ yêu cầu: Cơ quan đặt hàng.
2. Yêu cầu và hình thức của Hồ sơ yêu cầu: theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hồ sơ yêu cầu được gửi cho các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi để lập hồ sơ đề xuất.
3. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu: Cơ quan đặt hàng phê duyệt và phát hành Hồ sơ yêu cầu cho các đơn vị nhận đặt hàng.
4. Thời gian lập và phát hành Hồ sơ yêu cầu: tối đa là 20 ngày kể từ ngày phê duyệt Kế hoạch đặt hàng.

Điều 6. Lập hồ sơ đề xuất

1. Đơn vị lập Hồ sơ đề xuất: Các cơ quan, tổ chức nhận hồ sơ yêu cầu.
2. Nội dung hồ sơ đề xuất: theo nội dung của hồ sơ yêu cầu và quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Cần lưu ý một số điểm sau:
 - a) Các khoản mục chi phí lập theo hướng dẫn tại Thông tư 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;
 - b) Kinh phí thủy lợi phí được nhà nước cấp bù do miễn giảm và thu của các đối tượng phải thu áp dụng theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định hiện hành.
3. Thời gian lập hồ sơ đề xuất: theo thời gian ghi trong Hồ sơ yêu cầu nhưng không được sau ngày 30 tháng 9 năm trước năm kế hoạch để đảm bảo thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất và trình phê duyệt phương án, nội dung, sản phẩm dự toán đặt hàng.

Điều 7. Đánh giá hồ sơ đề xuất và trình phê duyệt.

1. Đánh giá hồ sơ đề xuất: theo nội dung của Hồ sơ yêu cầu và quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.
2. Phê duyệt kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất và đơn vị nhận đặt hàng: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất và Đơn vị nhận đặt hàng.
3. Đối với khoản chi phí sửa chữa thường xuyên đã được phê duyệt danh mục trong dự toán đặt hàng, đơn vị nhận đặt hàng phải lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán phê duyệt trước khi thực hiện (vận dụng theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng). Giá trị dự toán sửa chữa thường xuyên không được vượt quá khái toán đã được phê duyệt (trừ các quy định tại Điều 23 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ). Nếu đơn vị nhận đặt hàng không đủ điều kiện, năng lực lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán sửa chữa thì được phép thuê tổ chức, cá nhân tư vấn đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để lập. Tổ chức, cá nhân tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật và đơn vị nhận đặt hàng về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, công trình thủy lợi quy định như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình (hoặc hạng mục công trình) có dự toán sửa chữa trên 300 triệu đồng (*ba trăm triệu đồng*). Đơn vị nhận đặt hàng phê duyệt hồ sơ và dự toán trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Các đơn vị nhận đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán sửa chữa các công trình (hoặc hạng mục công trình) còn lại và gửi kết quả phê duyệt về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, quản lý.

Nếu đơn vị nhận đặt hàng không đủ điều kiện, năng lực thẩm tra thì được phép thuê tổ chức, cá nhân tư vấn đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra trước khi phê duyệt. Tổ chức, cá nhân tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật và đơn vị nhận đặt hàng về kết quả thẩm tra.

4. Thời gian đánh giá Hồ sơ đề xuất và phê duyệt: kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất và đơn vị nhận đặt hàng phải được phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

Điều 8. Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng đặt hàng

Trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất và đơn vị nhận đặt hàng của UBND tỉnh, cơ quan đặt hàng mời đơn vị nhận đặt hàng đến thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng để thực hiện.

Chương III

HỢP ĐỒNG VÀ NGHIỆM THU THANH TOÁN HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 9. Nguyên tắc ký kết và Quản lý thực hiện hợp đồng đặt hàng

1. Theo quyết định phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất và quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

2. Thời gian hợp đồng đặt hàng: Hợp đồng đặt hàng phải được hai bên ký kết xong trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

Điều 10. Nội dung hợp đồng đặt hàng

Theo quyết định phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất và quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Các nội dung về Tạm ứng hợp đồng đặt hàng và Điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng thực hiện như sau:

1. Tạm ứng hợp đồng đặt hàng: Tạm ứng hợp đồng đặt hàng thực hiện theo quy định tại Mục b Khoản 2 Điều 23 Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi

2. Điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng: Giá hợp đồng đặt hàng chỉ được điều chỉnh khi được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cho phép trong các trường hợp:

a) Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; giá, đơn giá hoặc mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích.

b) Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương, giá nguyên nhiên vật liệu.

c) Bổ sung các công việc ngoài phạm vi đã quy định trong hợp đồng.

d) Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Trường hợp giá hợp đồng đặt hàng điều chỉnh vượt dự toán ngân sách đã phê duyệt trong kế hoạch đặt hàng thì cơ quan đặt hàng phải báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt. Nếu việc điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng không vượt dự toán ngân sách đã phê trong kế hoạch đặt hàng thì cơ quan đặt hàng phê duyệt và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

Điều 11. Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng đặt hàng

Theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Có trách nhiệm sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc giao cho một đơn vị có đủ năng lực trực thuộc để giúp Sở thực hiện tổ chức đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hoạt động có hiệu quả;

b) Hướng dẫn chi tiết các nội dung, bảng biểu để triển khai thực hiện đặt hàng theo quy định;

c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo trách nhiệm được giao;

d) Tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra và thanh tra theo quy định;

đ) Đôn đốc các Công ty TNHH một thành viên thủy lợi trên địa bàn tỉnh hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trình thẩm định và phê duyệt để làm cơ sở đặt hàng;

e) Tổ chức xây dựng, hoàn thiện quy định về năng lực tổ chức cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

f) Tổ chức xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành danh mục các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và biện pháp tưới, tiêu cấp nước, tạo nguồn, bơm truyền tương ứng;

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tổng hợp kế hoạch đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong kế hoạch hàng năm của tỉnh;

b) Tham gia Hội đồng thẩm tra đánh giá hồ sơ đề xuất;

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Tổng hợp dự toán kinh phí đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong kế hoạch ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

b) Tham gia Hội đồng thẩm tra đánh giá hồ sơ đề xuất;

c) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn cụ thể về thủ tục, trình tự tạm cấp, thanh toán, quyết toán thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo phương thức đặt hàng áp dụng trên địa bàn tỉnh;

d) Thẩm tra giá đặt hàng, mức trợ cấp và quyết toán kinh phí đặt hàng cho công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị

a) Phối hợp với Cơ quan đặt hàng và các Sở, ngành theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn;

b) Xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu, cấp nước theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính;

c) Đánh giá kết quả hoạt động quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Phối hợp với cơ quan đặt hàng theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn;

b) Xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu, cấp nước theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính;

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng tưới, tiêu (nếu được giao là đại diện Hộ dùng nước) với đơn vị nhận đặt hàng;

d) Tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân trên địa bàn chủ động giám sát chất lượng tưới tiêu và tổng hợp phản ánh với cơ quan đặt hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời cùng tham gia quản lý, khai thác bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Trách nhiệm của đơn vị nhận đặt hàng

a) Tổ chức thực hiện hợp đồng đã ký kết với cơ quan đặt hàng và các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

b) Tổ chức thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu cấp nước theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính;

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm pháp lý của các hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng với các Hộ dùng nước theo quy định hiện hành;

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết. / *mb*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chúc
Nguyễn Văn Chúc